

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 22/5/2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý.

Ông Tạ Kỳ Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lư Thị Mỹ Ch, sinh năm 1974.

Cư trú tại: khu phố M, phường BT, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Trần Trọng B, sinh năm 1972.

Cư trú tại: khu phố AP, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Chị Ch, anh B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lư Thị Mỹ Ch trình bày:

Chị và anh Trần Trọng B chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BT, quận Bình Tân,

Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới, vợ chồng sống cùng gia đình của chị tại phường BT, quận Bình Tân. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 do tính tình của vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thể hiểu và thông cảm cho nhau. Vợ chồng chị đã tự ly thân từ năm 2017 đến nay, tuy sống chung nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề, không còn hạnh phúc; đến năm 2023 thì anh B quay về sống cùng mẹ ruột tại khu phố AP, phường A đến nay, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, không thể hàn gắn. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh B.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trần Lư BL, sinh ngày 31/5/2012 hiện đang sống chung với chị, cháu BL rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu BL, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Trần Trọng B trình bày: anh thống nhất với lời trình bày của chị Ch về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống vì anh thường quay về thăm mẹ ruột của anh tại khu phố AP, phường A; khi dịch bệnh Covid19 diễn ra thì anh về sống cùng mẹ ruột của anh đến năm 2021 thì quay về nhà chị Ch nhưng chị Ch đã thay đổi, trở nên lạnh nhạt với anh. Vợ chồng anh đã tự ly thân từ năm 2023 đến nay, anh đã về sống tại khu phố AP, phường A, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Từ khi ly thân, anh vẫn thường đến thăm con và đặt vấn đề đoàn tụ cùng chị Ch nhưng chị Ch đều không đồng ý và không muốn nói chuyện với anh. Nay anh không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ cùng chị Ch.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trần Lư BL, sinh ngày 31/5/2012 hiện đang sống chung với chị Ch. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn, anh đồng ý giao cháu BL cho chị Ch được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lư Thị Mỹ Ch đối với anh Trần Trọng B. Chị Ch được ly hôn anh B.

Về con chung: giao cháu Trần Lư BL, sinh ngày 31/5/2012 cho chị Lư Thị Mỹ Ch được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Ch không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị Ch, anh B không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: chị Ch, anh B trình bày không có nợ.

Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Lư Thị Mỹ Ch và anh Trần Trọng B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Ch và anh B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường BT, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần xảy ra mâu thuẫn do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hiểu và thông cảm cho nhau. Nay chị Ch yêu cầu ly hôn, anh B không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ cùng chị Ch.

Xét thấy, vợ chồng chị Ch, anh B đã tự ly thân từ năm 2023 đến nay, không còn chung sống với nhau. Từ khi ly thân, anh B đã nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị Ch đều không đồng ý; hiện tại anh B cũng không có giải pháp gì để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ chung sống lại với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ch cũng xác định hiện tại chị không còn tình cảm với anh B và giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh B, cho thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị Ch và anh B đã không còn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp

nhận yêu cầu ly hôn của chị Ch đối với anh B, cho chị Ch được ly hôn anh B là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Vợ chồng chị Ch, anh B có 01 con chung là cháu Trần Lư BL, sinh ngày 31/5/2012 hiện đang theo sống cùng chị Ch. Khi ly hôn, chị Ch yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu BL. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu BL có nguyện vọng được theo sống cùng mẹ khi cha, mẹ ly hôn và anh B cũng đồng ý giao cháu BL cho chị Ch được tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu BL cho chị Ch được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị Ch không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: chị Ch, anh B không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: chị Ch, anh B trình bày không có nợ.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: chị Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lư Thị Mỹ Ch đối với anh Trần Trọng B.

Chị Lư Thị Mỹ Ch được ly hôn anh Trần Trọng B.

2. Về con chung: giao cháu Trần Lư BL, sinh ngày 31/5/2012 cho chị Lư Thị Mỹ Ch được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị Ch không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị Ch, anh B không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Ch, anh B trình bày không có nợ.

5. Án phí: chị Lư Thị Mỹ Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015207 ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị Ch đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Chị Ch, anh B có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường BT;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư